TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/KDTM-PT
Ngày 27/3/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Dũng
Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu
Bà Mai Vương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2024/DSPT ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 283/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 344/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024; Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 16A/TB-TA ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 35/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 14/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A - Địa chỉ trụ sở: Số 05 đường H 5, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh T - Chức vụ: Giám đốc.

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Ch - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: 306 Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. *(Theo Giấy ủy quyền số 002/GUQ-CTY ngày 17/12/2024)*. (Có mặt).

* *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr - Địa chỉ trụ sở: Số 155 đường C, phường A, quận Th, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1974 - Chức vụ: Giám đốc.

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph - Địa chỉ: K171/37 đường Tr, phường A, quận Th, thành phố Đà Nẵng. *(Theo Giấy ủy quyền số 05/UQ ngày 07/12/2024)*. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22.02.2024, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn – bà Ngô Thị X trình bày*: Năm 2015, Công ty TNHH A (viết tắt Công ty A) có ký kết hợp đồng xây lắp số 025/HĐXL/TP-ARECA/2015 về việc thi công khu nhà ở và nhà làm việc CBCNV dự án nhà máy Thủy Điện Đ, hạng mục: Điện, nước, điều hòa không khí với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr (viết tắt Công ty Tr). Đến ngày 20/10/2016 Công ty A đã thi công và lắp đặt thiết bị, giá trị khối lượng công việc Công ty A đã thực hiện là 1.376.323.034đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó:

+ Giá trị thi công đã xuất hóa đơn là: 1.021.135.534đ (Một tỷ không trăm hai mươi mốt triệu một trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng).

+ Giá trị thị công hoàn thành đã được xác nhận chưa xuất hóa đơn là: 355.187.500đ (*ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Sau khi công việc hoàn thành Công ty A tiến hành làm hồ sơ thanh toán đợt 1. Theo yêu cầu của Công ty Tr thì hồ sơ thanh toán được chia ra thành hai bộ, một bộ là hồ sơ thanh toán trong hợp đồng, một bộ là hồ sơ thanh toán phát sinh ngoài hợp đồng.

Chi tiết công việc và giá trị đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ thanh toán đợt 1 và các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty A đã xuất cho Công ty Tr và các bảng khối lượng công việc đã hoàn thành.

Vì Công ty Tr thanh toán công nợ trong hợp đồng chậm trễ nên khi Công ty A làm yêu cầu thanh toán các khoản phát sinh ngoài hợp đồng thì Công ty Tr không chịu ký thanh toán (trước đó hai bên đã thống nhất ký biên bản tính khối lượng).

Tính đến ngày 31/12/2016 Công ty Tr mới thanh toán cho chúng tôi số tiền là 270.000.000đ, còn nợ lại Công ty A số tiền là 751.135.534đ (theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016 giữa hai bên);

Đến ngày 31/12/2017 Công ty Tr thanh toán cho chúng tôi số tiền là 170.000.000đ, còn nợ Công ty A số tiền là 581.135.534đ (theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017 giữa hai bên);

Từ năm 2018 đến nay Công ty Tr không thanh toán khoản nợ còn lại cho Công ty A. Công ty A đã nhiều lần cử người đến Công ty Tr yêu cầu thanh toán công nợ nhưng Công ty Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Công ty TNHH A yêu cầu Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền nợ mà hai bên đã đối chiếu là 581.135.534đ và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất 6.5%/năm tính từ ngày 01.7.2020 đến ngày xét xử hôm nay (ngày 04/9/2024), tạm tính với số tiền là: 156.906.450đ

Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ khối lượng thi công hoàn thành mà chưa xuất hóa đơn là 355.187.500đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Do hai bên chưa đối chiếu công nợ nên Công ty TNHH A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung nói trên.

** Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Tôi xác nhận vào ngày 01/10/2015, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr được chủ đầu tư là Công ty Cổ phần S 3 ký hợp đồng số 208/HĐXL/SDD3-TP2015 giao gói thầu: Thi công khu nhà ở và làm việc CBCNV dự án nhà máy Thủy Điện Đ.

Trong quá trình triển khai công việc, ông Cao Văn Nh là PTGĐ nhà máy Thủy Điện Đ xin lại hạng mục điện nước của gói thầu, giao cho Công ty TNHH A thi công (gọi tắc là Công ty A).

Sau khi thoả thuận giữa Công ty Tr và Công ty A, bên chúng tôi Công ty Tr - giao lại hạng mục thi công điện nước cho Công ty A thi công, đồng thời phía Công ty A đồng ý trích nộp lại cho Công ty Tr 25% giá trị hợp đồng và xuất hóa đơn tài chính cho chúng tôi.

Tiếp đó, hai bên thống nhất tiến hành ký hợp đồng số 025/HĐXL/TPARECA/2015 giữa Công ty Tr và Công ty A với giá trị hợp đồng tạm tính 1.894.401.643đ (Một tỷ tám trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm linh một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng). Không có thời hạn hợp đồng.

Trong quá trình thi công, bên chúng tôi thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng đã ký với Công ty A về chuyển khoản thanh toán khối lượng và tạm ứng hợp đồng, Công ty chúng tôi đã tạo mọi điều kiện tạm ứng hợp đồng, thanh toán khối lượng cho Công ty A để triển khai công việc theo hợp đồng đã ký khi chưa có bản vẽ hoàn công, thanh toán khối lượng hoàn thành của chủ đầu tư ký. Nhưng công ty chúng tôi vẫn đồng ý chấp thuận

cho Công ty A lấy khối lượng theo hồ sơ thiết kế và đơn giá tạm tính theo dự toán của chủ đầu tư để làm cơ sở thanh toán tạm ứng hợp đồng và xuất hóa đơn tài chính.

Cụ thể, Công ty đã chuyển tạm ứng số tiền tổng cộng là: 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) bằng 4 ủy nhiệm chi: Số 0018 ngày 24/5/2016; Số 0055 ngày 01/11/2016; Số 0067 ngày 24/01/2017; Số 0093 ngày 11/8/2017.

Trong quá trình triển khai công việc tại công trình với sự theo dõi, giám sát, chúng tôi đã phát hiện phía Công ty A không đủ năng lực tài chính để triển khai công việc theo hợp đồng đã ký với Công ty Tr. Cụ thể là Công ty A đã ngang nhiên bỏ ngang công việc của mình và không hề có bất kì văn bản thông báo đến công ty chúng tôi; Công ty Tr đã nhiều lần gởi văn bản, mail: yêu cầu Công ty A tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng; tuy nhiên không nhận lại bất kì phản hồi nào từ phía Công ty A.

Với năng lực tài chính, năng lực chuyên môn yếu kém, thái độ làm việc không thiện chí, Công ty A đã bỏ ngang và không hoàn thành hợp đồng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Công ty Tr: chúng tôi bàn giao công trình chậm tiến độ 3 tháng, đồng thời phải chịu Chủ đầu tư lập biên bản và xử phạt hợp đồng.

Công ty Tr nhiều lần gởi văn bản yêu cầu Công ty A đến công trình để cùng kiểm tra, thống nhất, xác nhận khối lượng thi công thực tế và hoàn thiện hồ sơ bản vẽ hoàn công để làm cơ sở quyết toán công việc với chủ đầu tư cũng như giữa Công ty Tr và Công ty A.

Công ty A lại tiếp tục phớt lờ, không thực hiện và không có bất kì động thái thực hiện nào. Công ty A lại một lần nữa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến Công ty Tr chúng tôi không thể hoàn thành hồ sơ quyết toán theo yêu cầu đề xuất của Chủ Đầu Tư. Sự thiếu chuyên nghiệp và không có trách nhiệm trong công việc của Công ty A khiến cho Công ty Tr đến 29/12/2022 mới hòan thành hồ sơ quyết toán.

Còn khối lượng công việc giá trị thực tế Công ty A thi công trên công trình đã thể hiện rõ trong hồ sơ quyết toán giữa Công ty Tr và Chủ đầu tư Công ty Cổ phần S 3 ký ngày 29/12/2022. Và chúng tôi cũng đã mời Công ty A đến văn phòng bàn giao số liệu quyết toán vào tháng 12/2021.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Tôi xác định khối lượng mà Công ty A thực hiện trên công trình trụ sở nhà làm việc CBCNV dự án nhà máy Thủy Điện Đ đã quyết toán với chủ đầu tư là 915.604.098đ (thể hiện tại hồ sơ quyết toán của chủ đầu tư). Theo quy định của Luật xây dựng thì phải trích nộp lại cho 2% cho chủ đầu tư giá trị gói thầu là 18.312.082 đồng. Trừ chi phí làm hồ sơ quyết toán ARECA bỏ ngang không tham gia, không hoàn thành hợp đồng là 30.000.000 đồng; Chi phí trích nộp lại cho Công ty Tr là 25% với số tiền là 228.901.025 đồng.

Nay tôi xác định giá trị gói thầu mà Công ty A thực hiện cho Công ty Tr còn lại là 638.390.992 đồng. Trong khi chúng tôi đã tạm ứng cho Công ty A 440.000.000 đồng.

Tôi chỉ đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch còn lại cho Công ty A khi chủ đầu tư - Công ty Cổ phần S 3 chuyển trả tiền cho chúng tôi đồng thời tôi cũng yêu cầu Công ty A cũng phải hoàn thiện hồ sơ quyết toàn giữa Công ty A và Công ty Tr.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A tổng số tiền: 738.041.984 đồng (*Bảy trăm ba mươi tám triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm tám mươi bốn đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc: 581.135.534 đồng và tiền nợ lãi: 156.906.450 đồng (tạm tính từ ngày 01.7.2020 đến ngày 04/9/2024).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền nợ khối lượng thi công hoàn thành chưa xuất hóa đơn là 355.187.500 đồng

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 33.521.679 đồng (*ba mươi ba triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng*) Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại 14.060.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) mà Công ty đã nộp tại biên lai thu số 0008716 ngày 10.01.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn là Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr có đơn kháng cáo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH

MTV Xây dựng và Thương mại Tr đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm với lý do không đưa Công ty Cổ phần S 3 vào tham gia tố tụng.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr và sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền thi công là 469.959.744 đồng và tiền lãi phát sinh 50.912.305 đồng, tổng cộng là 520.872.049 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với lý do không đưa Công ty Cổ phần S 3 vào tham gia tố tụng. Xét đề nghị của Đại diện Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr thì thấy trong quá trình xét xử phúc thẩm Tòa án đã thu thập chứng cứ tại Công ty Cổ phần S 3, mặt khác thay đổi nội dung kháng cáo của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr là vượt quá phạm vi kháng cáo theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX không chấp nhận thay đổi kháng cáo của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr.

*** Về nội dung:**

Xét nội dung kháng cáo của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr đề nghị HĐXX sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A thì thấy:

[2] Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải thanh toán số tiền 581.135.534 đồng:

Năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr (gọi tắt là Công ty Tr) và Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) ký kết Hợp đồng xây lắp số 025/HĐXL/TP- ARECA/2015 về việc thi công hạng mục điện nước, điều hòa không khí tại Công trình Khu nhà làm việc và nhà ở CBCNV thuộc công trình thủy điện Đ. Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.894.401.643 đồng.

Công ty A cho rằng Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã ký kết khối lượng công việc và xác nhận với số tiền: 1.021.135.534 đồng, Công ty Tr đã chuyển trả cho Công ty A với tổng số tiền: 440.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, ngày 31/12/2016, giữa hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: *"Tính đến hết ngày 31/12/2016, Công ty Tr còn phải thanh toán cho Công ty A số tiền là: 751.135.534 đồng"*. Sau khi đối chiếu công nợ Công ty Tr tiếp tục thanh toán cho Công ty A số tiền 170.000.000 đồng nên ngày 31/12/2017 giữa hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: *"Tính đến hết ngày 31/12/20217, Công ty Tr còn phải thanh toán cho Công ty A số tiền là: 581.135.534 đồng"* nên Công ty A đề nghị Công ty Tr phải trả số tiền 581.135.534 đồng, còn Công ty Tr cho rằng việc xác nhận khối lượng nhận với số tiền: 1.021.135.534 đồng và các biên bản đối chiếu công nợ chỉ là hợp thức để quyết toán thuế nên không dùng làm căn cứ giải quyết tranh chấp, hiện Công ty Cổ phần S 3 chưa quyết toán với Công ty Tr nên chưa có cơ sở thanh toán với Công ty A.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 145/CV-TA ngày 03 tháng 3 năm 2025 gửi Công ty Cổ phần S 3 *"đề nghị Công ty Cổ phần S 3 cho biết đã thanh toán cho Công ty Tr đối với hạng mục Điện, nước, điều hòa không khí chưa?"*. Theo Công văn số 33/SD3-KTĐT ngày 10/3/2025 của Công ty Cổ phần S 3 phúc đáp Công văn số 145/CV-TA ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thể hiện nội dung: *"Công ty Cổ phần S 3 đã thanh toán cho Công ty Tr số tiền 8.924.562.299 đồng, trong đó có hạng mục chi phí điện nước, điều hòa không khí là 1.114.095.109 đồng"*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty A và đại diện Công ty Tr cùng xác định Công ty A không thi công hạng mục điều hòa không khí mà chỉ thi công hạng mục điện nước. Tại Bảng tổng hợp chi phí xây dựng mà Công ty Tr đề nghị Công ty Cổ phần S 3 thanh toán thể hiện chi phí xây dựng hạng mục điện nước và đã được thanh toán số tiền là

989.086.678 đồng nên HĐXX xác định thực tế Công ty A đã thi công là 989.086.678 đồng.

Tại Bảng tổng hợp kinh phí ngày 29/12/2022 giữa Công ty Cổ phần S 3 và Công ty Trc thể hiện Công ty Tr phải trích lại 8% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần S 3 với số tiền 713.964.984 đồng, do vậy Công ty A phải thanh toán cho Công ty Tr 8% của số tiền 989.086.678 đồng là (989.086.678 đồng x 8%) = 79.126.934 đồng, do vậy Công ty Tr phải thanh toán cho Công ty A số tiền (989.086.678 đồng - 79.126.934 đồng) = 909.959.744 đồng.

Trong quá trình giải quyết Công ty A và đại diện Công ty Tr cùng thừa nhận Công ty Tr đã thanh toán cho Công ty TNHH A nhiều lần với tổng số tiền là 440.000.000 đồng nên cần buộc Công ty Tr phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền còn lại (909.959.744 đồng - 440.000.000 đồng) = 469.959.744 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải thanh toán số tiền lãi là 156.906.450 đồng:

Công ty A yêu cầu Công ty Tr phải có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2024) theo mức lãi suất 6,5% năm với số tiền 156.906.450 đồng. Xét yêu cầu của Công ty A thì thấy tại các biên bản đối chiếu công nợ không thể hiện thời gian Công ty Tr phải thanh toán số tiền đã đối chiếu cho Công ty A, mặt khác Công ty A cũng không đưa ra được căn cứ cho rằng đã yêu cầu Công ty Tr phải trả số tiền trên nên HĐXX xác định ngày Công ty A nộp Đơn khởi kiện là ngày Công ty Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận tiền lãi từ ngày 29/12/2022 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến ngày 04/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với thời gian làm tròn là 20 tháng lãi theo mức lãi suất 6,5%/năm là phù hợp. Do vậy, HĐXX buộc Công ty Tr phải có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh cho Công ty A với số tiền (469.959.744 đồng x 6,5% : 12 tháng x 20 tháng) = 50.912.305 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Tr và sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty Tr phải trả cho Công ty A số tiền thi công là 469.959.744 đồng và tiền lãi phát sinh 50.912.305 đồng, tổng cộng là 520.872.049 đồng như lời trình bày của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] Về án phí:

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do buộc Công ty Tr trả cho Công ty A số tiền 520.872.049 đồng nên Công ty Tr phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.000.000 đồng + (120.872.049 đồng x 2%) = 14.417.440 đồng.

Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 14.060.000

đồng theo biên lai thu số 0008716 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên Công ty Tr không phải chịu phải án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Tr số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng Công ty Tr đã nộp theo biên lai thu số 0001487 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr. Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải trả số tiền nợ khối lượng thi công hoàn thành chưa xuất hóa đơn là 355.187.500 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền thi công là 469.959.744 đồng và tiền lãi phát sinh 50.912.305 đồng, tổng cộng là 520.872.049 đồng *(Năm trăm hai mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr phải chịu là 14.417.440 đồng.

+ Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là

14.060.000 đồng theo biên lai thu số 0008716 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001487 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng